

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 12-8-2021
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh, ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn NT, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**/ Bị đơn:* Ông Lý Văn S, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn NT, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Thị M trình bày: Bà và ông Lý Văn S chung sống với nhau từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có với nhau 5 người con chung: (Lý Thị M, sinh ngày 12/7/2002; Lý Văn N, sinh ngày 25/6/2004; Lý Thị D, sinh ngày 15/8/2008; Lý Thị D1, sinh ngày 15/9/2012; Lý Văn T, sinh ngày 20/3/2015). Tài sản chung: có đất tại thôn NT, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông; đất ruộng tại thôn 7, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc bà làm đơn xin ly hôn với ông Lý Văn S là do trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà thường xuyên bị ông Lý Văn S đánh đập, đe dọa, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Do lo sợ bị ông Lý Văn S đánh nên bà phải ra khỏi nhà và sống trốn trong rừng. Bà Hoàng Thị M nhận thấy không thể tiếp tục chung sống

cùng ông Lý Văn S được nữa nên xin ly hôn với ông Lý Văn S. Về con chung: bà đồng ý giao các con chung cho ông Lý Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có.

- Theo lời trình bày của bị đơn ông Lý Văn S trong quá trình giải quyết vụ án: thì lý do ông đánh bà Hoàng Thị M là do bà Hoàng Thị M bán bò của gia đình và mang tiền đi nói là đi về Bắc. Sau 1 tháng bà Hoàng Thị M quay về nhưng không giải thích được lý do đi đâu nên ông mới đánh bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị M bỏ đi đến nhà chị gái ở đã 3 tháng và làm đơn xin ly hôn với ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M thì nếu bà Hoàng Thị M muốn ly hôn thì tôi đồng ý, nhưng bà Hoàng Thị M chủ động làm đơn thì phải chấp nhận ra đi tay trắng, không được yêu cầu chia con, chia tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Đắk Mil đã yêu cầu ông Lý Văn S dẫn các con đến Tòa án làm việc để lấy lời khai của các cháu, tuy nhiên ông Lý Văn S từ chối dẫn và cho rằng không cần thiết, các con hiện đang ở với ông nên ông sẽ nuôi dưỡng các cháu. Ngày 19/7/2021 ông Lý Văn S có ý kiến trình bày, ông không muốn ly hôn và không đồng ý ly hôn với bà Hoàng Thị M. Nếu Tòa án xét xử ly hôn thì nguyện vọng của ông là muốn nuôi dưỡng 4 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị M; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị M và ông Lý Văn S là quan hệ vợ chồng; Về con chung: Giao các cháu Lý Văn N, sinh ngày 25/6/2004, Lý Thị D, sinh ngày 15/8/2008, Lý Thị D1, sinh ngày 15/9/2012, Lý Văn T, sinh ngày 20/3/2015 cho ông Lý Văn S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Hoàng Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Lý Văn S, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lý Văn S hiện đang sinh sống tại thôn NT, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị M và ông Lý Văn S chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết hòa giải, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, không đáng có, cả hai đã sống thiếu niềm tin và trách nhiệm đối với nhau khiến cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hậu quả là dẫn đến việc xảy ra bạo lực, bà Hoàng Thị M phải ra khỏi nhà và sống không có nơi ở cố định. Như vậy căn cứ vào thực tế hôn nhân, xác định mâu thuẫn giữa các đương sự là có thật.

Bà Hoàng Thị M, ông Lý Văn S đã vi phạm nguyên tắc quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, bà Hoàng Thị M, ông Lý Văn S tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2000 mà không có đăng ký kết hôn. Mặc dù tại thời điểm chung sống, hai bên chưa đủ điều kiện để kết hôn theo quy định. Nhưng sau đó trong quá trình chung sống khi có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật HNGĐ thì bà Hoàng Thị M, ông Lý Văn S không tiến hành đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 14 Luật HNGĐ thì *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng...”*. Do đó, cần áp dụng Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Luật HNGĐ, xử không công nhận quan hệ giữa bà Hoàng Thị M và ông Lý Văn S là quan hệ vợ chồng

2.2. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị M và ông Lý Văn S thống nhất giao các cháu Lý Văn N, sinh ngày 25/6/2004, Lý Thị D, sinh ngày 15/8/2008, Lý Thị D1, sinh ngày 15/9/2012, Lý Văn T, sinh ngày 20/3/2015 cho ông Lý Văn S trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với cháu Lý Thị M, sinh ngày 12/7/2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật HNGĐ nên cần chấp nhận.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị M phải nộp 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hoàng Thị M đối với ông Lý Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị M và ông Lý Văn S là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao các cháu Lý Văn N, sinh ngày 25/6/2004; Lý Thị D, sinh ngày 15/8/2008; Lý Thị D1, sinh ngày 15/9/2012; Lý Văn T, sinh ngày 20/3/2015 cho ông Lý Văn S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Bà Hoàng Thị M được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, ông Lý Văn S không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004962 ngày 01/4/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh

